

MỤC LỤC

KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

- 1. Nguyễn Thị Phương Liên** - Giải pháp phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam. *Mã số: 152.1FiBa.12* 2
Solutions to Developing Non-Cash Payment in Vietnam
- 2. Nguyễn Hoài Nam** - Cơ chế sử dụng nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước cho xây dựng nông thôn mới ở Tỉnh Nghệ An. *Mã số: 152.1Deco.11* 9
Mechanism of Using Financial Resources from the State Budget for New Rural Construction in Nghe An Province
- 3. Phạm Văn Hồng và Phạm Minh Đạt** – Chính thức hóa khu vực hộ kinh doanh cá thể: thực trạng và kiến nghị. *Mã số: 152.1SMET.12* 18
Formalizing Household Sector: Situation and Suggestions
- 4. Phan Anh Tú và Hứa Thanh Nghị** - Các nhân tố tác động đến vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Thành phố Cần Thơ. *Mã số: 152.1IIEM.12* 24
Factors Affecting FDI in Can Tho City
- 5. Nguyễn Đức Kiên** - Nhân tố ảnh hưởng đến lựa chọn áp dụng mô hình sử dụng đất nông nghiệp thích ứng biến đổi khí hậu: Nghiên cứu trường hợp của nông hộ ở vùng cát nội đồng tỉnh Quảng Bình. *Mã số: 152.1GEMg.12* 33
Factors Influencing the Adoption of Agricultural Land Use Models Towards Adaptation to Climate Change: A Case Study of Farmers in the Sandy Area of Quang Binh Province

QUẢN TRỊ KINH DOANH

- 6. Phan Chí Anh và Nguyễn Thu Hà** - Phát triển sản phẩm mới tại các doanh nghiệp sản xuất Châu Á: tiếp cận ở góc độ thị trường. *Mã số: 152.2BMkt.22* 41
Developing New Products in Asian Producing Enterprises: from Market Perspective
- 7. Lưu Thị Minh Ngọc** - Tác động của đổi mới công nghệ ngân hàng lõi đến kết quả hoạt động của ngân hàng thương mại - nghiên cứu trường hợp ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam. *Mã số: 152.2FiBa.21* 49
Impact of Core Banking Technology Innovation on Commercial Bank Performance – Case Study at Vietinbank
- 8. Đỗ Thị Vân Trang** - Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến cấu trúc kỳ hạn nợ giữa các ngành kinh doanh. *Mã số: 152.2FiBa.22* 57
Determinants of the Debt Maturity Structure in Different Sectors
- 9. Đàm Thị Thanh Huyền** - Các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro tài chính tại các công ty thành viên thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. *Mã số: 152.2FiBa.22* 65
Factors Affecting Financial Risk at Member Firms of Vietnam Coal - Mineral Industry Group

Ý KIẾN TRAO ĐỔI

- 10. Phạm Hùng Cường và Hoàng Ngọc Bảo Châu** - Ý định lựa chọn sản phẩm thương mại điện tử của người tiêu dùng khi mua sắm hàng hóa ngoài lãnh thổ Việt Nam. *Mã số: 152.3BAadm.31* 76
Intention to Select E-Commerce Products of Consumers Shopping Outside Vietnam

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT TẠI VIỆT NAM

Nguyễn Thị Phương Liên
Trưởng Đại học Thương mại
Email: ntphlien@tmu.edu.vn

Ngày nhận: 23/02/2021

Ngày nhận lại: 19/03/2021

Ngày duyệt đăng: 23/03/2021

Bài viết nghiên cứu thực trạng thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam thời gian gần đây trên các khía cạnh: kết quả thanh toán qua các kênh, các phương tiện thanh toán; cơ sở hạ tầng và các tổ chức tham gia cung ứng dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán, các hệ thống truyền dẫn thanh toán. Trên cơ sở đánh giá về những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong thanh toán không dùng tiền mặt, tác giả bài viết đề xuất định hướng và một số giải pháp (với Chính phủ và các cơ quan quản lý nhà nước; với NHTM, tổ chức trung gian thanh toán và tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán) nhằm phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam thời gian tới.

Từ khóa: thanh toán không dùng tiền mặt, phương tiện thanh toán, cơ sở hạ tầng thanh toán.

JEL Classifications: E52, G18, D04

1. Mở đầu

Thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM) là việc thanh toán được thực hiện bằng cách trích chuyển tiền trên tài khoản trong hệ thống các tổ chức cung cấp dịch vụ thanh toán (trong đó, ngân hàng thương mại (NHTM) là tổ chức chủ yếu, có lịch sử cung cấp dịch vụ này lâu nhất), hoặc bù trừ công nợ mà không sử dụng đến tiền mặt. TTKDTM xuất hiện từ lâu trong lịch sử. Tuy nhiên, nó chỉ thực sự phát triển và không ngừng hoàn thiện trong nền kinh tế thị trường. Ngày nay, ở bất cứ quốc gia nào, TTKDTM qua các trung gian thanh toán đều được áp dụng rộng rãi, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng khối lượng thanh toán và có xu hướng ngày càng tăng lên. So với thanh toán bằng tiền mặt, TTKDTM là cách thức thanh toán mang lại nhiều tiện ích, nhiều ưu điểm nổi trội. Đó là: góp phần tiết kiệm chi phí phát hành và lưu thông tiền, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tổ chức quản lý lưu thông tiền tệ; tạo khả năng tập trung nguồn vốn tín dụng vào hệ thống ngân hàng để đầu tư cho phát triển kinh tế; góp phần làm tăng tính minh bạch, tạo tiền đề kinh tế thuận lợi để Nhà nước kiểm soát các hoạt động kinh tế và việc chấp hành nghĩa vụ nộp thuế, củng cố kỷ luật thanh

toán, góp phần phòng chống tham nhũng, tiêu cực và tội phạm kinh tế. Ngoài ra, với sự phát triển của công nghệ thông tin, sự xuất hiện các phương tiện, dịch vụ thanh toán mới, hiện đại như thanh toán qua internet, điện thoại di động, ví điện tử, QR code, thẻ không tiếp xúc... làm cho hoạt động TTKDTM ngày càng trở nên thuận tiện, dễ dàng hơn cho các chủ thể tham gia thanh toán.

Bên cạnh những lợi ích, các tác động tích cực, TTKDTM, nhất là các hình thức thanh toán điện tử, cũng đòi hỏi các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phải đầu tư nhiều hơn cho hạ tầng kỹ thuật và công nghệ thanh toán để gia tăng tiện ích và tính an toàn, bảo mật cho các chủ thể thanh toán. Do vậy, trong giai đoạn đầu của quá trình đầu tư, chi phí kinh doanh tất yếu sẽ gia tăng, làm giảm thu nhập/lợi nhuận hoạt động của ngân hàng và của các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán khác.

Gần đây, có một số nghiên cứu về TTKDTM đã được công bố như: *Quản lý nhà nước đối với dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt trong thanh toán nội địa của các NHTM Việt Nam* (2018), luận án tiến sĩ của Nguyễn Thị Ngọc Diễm; *Phát triển TTKDTM: Kết quả đạt được, khó khăn và thách*

thức trong thời gian tới (2020), Phạm Tiến Dũng, Kỳ yếu hội thảo quốc gia “Thúc đẩy TTKDTM trong nền kinh tế số”, Nhà xuất bản Lao động và một số bài báo khác đăng trên các tạp chí: Tài chính, Thị trường Tài chính Tiền tệ. Tuy nhiên, thực tế cho thấy “Làm thế nào để phát triển về lượng, nâng cao chất lượng dịch vụ TTKDTM” là một câu hỏi không dễ có lời giải đáp đối với cả nhà quản lý, điều hành chính sách vĩ mô, nhà quản trị ngân hàng, nhà nghiên cứu... Tại Việt Nam, đẩy mạnh TTKDTM trong nền kinh tế là mục tiêu phấn đấu được thể hiện khá rõ trong Chiến lược phát triển TTKDTM của Chính phủ. Mặc dù đã triển khai đồng bộ nhiều biện pháp, nhưng tỉ lệ TTKDTM những năm qua ở Việt Nam vẫn còn khiêm tốn, thanh toán bằng tiền mặt vẫn chiếm tỉ lệ khá cao. Vì vậy, nghiên cứu đề xuất giải pháp phát triển TTKDTM tại Việt Nam là vấn đề thực tiễn đã, đang và tiếp tục đặt ra.

Để đánh giá thực trạng, đề xuất giải pháp phát triển TTKDTM tại Việt Nam, tác giả chủ yếu sử dụng nguồn thông tin thứ cấp từ Vụ Thanh toán, Ngân hàng Nhà nước (NHNN); định hướng phát triển TTKDTM và phát triển ngành ngân hàng của các cơ quan quản lý nhà nước liên quan tới hoạt động thanh toán; các thông tin, trao đổi trực tiếp tại các hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế về lĩnh vực này.

2. Thực trạng thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam

Các kênh thanh toán

Bảng 1 cho thấy, hoạt động TTKDTM qua các kênh thanh toán mới như qua điện thoại di động, internet có sự tăng trưởng nhảy vọt. Sau 4 năm (từ tháng 8/2016 đến tháng 8/2020), số

lượng món thanh toán qua điện thoại di động tăng 980,9%; giá trị thanh toán tăng 793,6% (trong đó: BIDV, MB, Sacombank là các ngân hàng được ghi nhận có giá trị giao dịch qua điện thoại di động dẫn đầu các NHTM Việt Nam). Dịch vụ thanh toán (chuyển tiền, nạp tiền điện thoại, thanh toán hóa đơn trực tuyến...) qua internet ở các ngân hàng được triển khai với các mức độ nhiều ít khác nhau. Thanh toán qua POS được thực hiện chủ yếu bởi hầu hết các ngân hàng lớn (Vietcombank, Vietinbank, Maritime Bank, Sacombank...). Với các ngân hàng nhỏ như VIB, TPBank, Eximbank... nhưng chú trọng định hướng phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử, có hệ thống hạ tầng thiết bị POS được đầu tư và phân bổ sử dụng ở nhiều địa điểm cũng có doanh số thanh toán qua POS lớn. Đối với thanh toán qua ATM, số món và giá trị giao dịch chủ yếu đến từ các ngân hàng có quy mô lớn và các ngân hàng đi đầu trong cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử như Agribank, Vietinbank, Vietcombank, Sacombank, MB, Techcombank...

Kết quả trên cho thấy, sự ra đời và đổi mới không ngừng của các kênh thanh toán mới (qua mobile, internet) là một nguyên nhân quan trọng làm giảm tốc độ tăng trưởng của các giao dịch thanh toán qua POS và ATM.

Bảng 1: Tình hình thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam (Qua các kênh thanh toán)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Đến cuối tháng 8/2020	Tăng so với cuối tháng 8/2016 (%)
Số lượng tài khoản cá nhân	triệu tài khoản	95,6	45,5
Số lượng thẻ đang lưu hành	triệu thẻ	109	38,7
Số lượng thanh toán qua internet	triệu món	282,4	262,5
Giá trị thanh toán qua internet	triệu tỉ đồng	17,4	353,1
Số lượng thanh toán qua điện thoại di động	triệu món	682,3	980,9
Giá trị thanh toán qua điện thoại di động	triệu tỉ đồng	7,2	793,6
Số lượng thanh toán qua POS	triệu món	218	176,5
Giá trị thanh toán qua POS	ngàn tỉ đồng	382,86	139,5
Số lượng thanh toán qua ATM	triệu món	660	38,7
Giá trị thanh toán qua ATM	ngàn tỉ đồng	1.818,58	53,8

Nguồn: Vụ thanh toán, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Phương tiện thanh toán

Bảng 2 cho thấy, các phương tiện thanh toán (PTTT) tại Việt Nam không nhiều; trong đó, lệnh chi với những công nghệ thanh toán hiện đại, chiếm tỉ trọng lớn nhất cả về số món và giá trị thanh toán. Số món thanh toán bằng thẻ ngân hàng chiếm vị trí thứ hai nhưng tỉ lệ giá trị giao dịch nhỏ. Nhờ thu và séc đều có xu hướng giảm.

nhanh (QR code), mã hóa thông tin thẻ, thanh toán phi tiếp xúc, bán hàng trên thiết bị di động (mobile point of sale – mPOS), thanh toán trực tuyến bằng thẻ (Ecom)... được các ngân hàng nghiên cứu, hợp tác và ứng dụng. Hiện đã có 6 ngân hàng triển khai mPOS, doanh số thanh toán Ecom (thẻ nội địa) tăng nhanh chóng, đặc biệt là việc thanh toán bằng QR code gắn với đẩy mạnh thanh toán qua điện thoại di

Bảng 2: Các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam

PTTT	Số lượng giao dịch (món)				Giá trị giao dịch (tỉ đồng)			
	Quý II/2019		Quý II/2020		Quý II/2019		Quý II/2020	
Lệnh chi	305.030.225	76,9%	880.780.684	80,9%	25.207.436	89,3%	55.640.643	90,9%
Thẻ ngân hàng	76.523.851	19,1%	171.116.815	15,7%	194.915	0,7%	399.356	0,6%
Nhờ thu	3.191.366	0,8%	4.867.514	0,4%	1.379.629	4,9%	2.456.037	4,0%
Séc	111.153	0,3%	33.313	0,1%	64.399	0,3%	28.228	0,2%
Phương tiện khác	11.505.205	2,9%	31.886.522	2,9%	1.375.924	4,8%	2.651.936	4,3%
Tổng	396.361.800	100%	1.088.684.848	100%	28.222.303	100%	61.176.200	100%

Nguồn: Vụ thanh toán, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Cơ sở hạ tầng và các tổ chức tham gia cung ứng dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán

Trong các tổ chức tham gia cung ứng dịch vụ thanh toán, NHTM là tổ chức chủ yếu mang tính truyền thống và lâu đời nhất. Hầu hết NHTM đã và đang xây dựng, triển khai công nghệ 4.0, đẩy mạnh phát triển ngân hàng số (Live Bank của TP Bank; MyVIB của VIBank; Digital Lab của Vietcombank; E-Zone của BIDV...), ứng dụng dữ liệu lớn (big data) trong phân tích hành vi khách hàng (VPBank, Vietcombank, MB...), công nghệ chuỗi khối (Blockchain), công nghệ điện toán đám mây và tự động hóa trong hoạt động ngân hàng (MB, Techcombank, ANZ), sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) khi tương tác, tư vấn hỗ trợ và phục vụ khách hàng (TPBank, Vietinbank, Vietcombank, VIB, Sacombank...). Những năm qua, ngành ngân hàng đã triển khai xây dựng kho dữ liệu, hạ tầng số tập trung, chuẩn hóa, cho phép chia sẻ, tích hợp tạo hệ sinh thái số trải rộng nhiều ngành, lĩnh vực như hệ sinh thái mobile banking kết nối với dịch vụ công, tài chính, viễn thông, điện lực, giao thông, y tế... Các công nghệ mới và hiện đại trong thanh toán như công nghệ sinh trắc học (xác thực vân tay, nhận diện khuôn mặt, mống mắt...), sử dụng mã phản hồi

động do phù hợp với xu thế phát triển trên thế giới và hành vi tiêu dùng. Nhờ đó, khách hàng có thể sử dụng được nhiều tiện ích hơn trên điện thoại di động và các kênh thanh toán hiện đại khác so với giao dịch trực tiếp tại ngân hàng.

Theo số liệu thống kê của Vụ Thanh toán, NHNN, tính đến tháng 8/2020, ở Việt Nam có 77 tổ chức triển khai thanh toán qua internet, 45 tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán qua điện thoại di động; 30 ngân hàng triển khai QR code, 90.000 điểm chấp nhận thanh toán QR code; 37 tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (bao gồm dịch vụ công thanh toán điện tử, dịch vụ thu hộ, chi hộ, dịch vụ ví điện tử); 34 tổ chức cung ứng dịch vụ công thanh toán điện tử; 9 tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán tiền điện tử; đã lắp đặt 19.509 máy ATM (Agribank, Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Techcombank là những ngân hàng dẫn đầu về số ATM đã lắp đặt), 280.418 POS/EDC (dẫn đầu là các ngân hàng: Vietcombank, Vietinbank, BIDV, Agribank); 16,92 triệu ví điện tử đã được kích hoạt...

Đối với khu vực nông thôn, vùng núi, hải đảo, NHNN đã chấp thuận cho xây dựng và triển khai thí điểm 3 mô hình: (i) Dịch vụ chuyên tiền nhanh của PGBank trên cơ sở hợp tác sử dụng mạng lưới các

chi nhánh, cửa hàng xăng dầu của Petrolimex tại khu vực nông thôn; (ii) Dịch vụ chuyển tiền giá trị nhỏ của Vietcombank trên cơ sở hợp tác sử dụng mạng lưới đại lý viễn thông của Công ty Cổ phần Di động Trục tuyến (M_Service) ở khu vực nông thôn; và (iii) Dịch vụ chuyển tiền của MB trên cơ sở hợp tác sử dụng mạng lưới của Tổng công ty Viễn thông Quân đội (Viettel) ở địa bàn miền núi, nông thôn, hải đảo. Đến tháng 8/2020, các mô hình này đã xây dựng được trên 72.000 điểm cung cấp dịch vụ thanh toán, chuyển tiền trên toàn quốc, phục vụ cho khoảng trên 7 triệu lượt khách hàng, bao gồm cả khách hàng chưa có tài khoản tại ngân hàng (Vụ Thanh toán, NHNN). Gần đây, Chính phủ đã cho phép triển khai thí điểm dịch vụ mobile money trên toàn lãnh thổ Việt Nam trong thời gian 2 năm (Quyết định số 316/QĐ-TTg ngày 09/3/2021). Hạn mức giao dịch mobile money không quá 10 triệu đồng/tháng/tài khoản giao dịch. Về cơ bản, mobile money cung cấp cho khách hàng một tài khoản tương tự tài khoản viễn thông (gắn liền với thuê bao di động) nhưng được phép sử dụng để chuyển tiền, thanh toán dịch vụ, hàng hóa hợp pháp tại Việt Nam. Khác với ví điện tử, người dùng không cần có tài khoản ngân hàng nên hình thức thanh toán này được đánh giá khá phù hợp với người dân ở khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo - nơi mà hệ thống tài chính - ngân hàng chưa phát triển, người dân chưa hoặc không có khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng.

Hệ thống truyền dẫn thanh toán

Hiện nay ở Việt Nam có 9 hệ thống thanh toán không dùng tiền mặt chính, gồm: hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (IBPS); hệ thống thanh toán bù trừ; hệ thống thanh toán nội bộ của từng NHTM; các hệ thống thanh toán song phương; hệ thống thanh toán ngoại tệ VCB-Money; hệ thống thanh toán chứng khoán do BIDV quản lý, vận hành; hệ thống thanh toán thẻ; hệ thống thanh toán qua internet và điện thoại di động; hệ thống SWIFT. Trong đó, IBPS là trục thanh toán quốc gia, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu chuyển vốn của nền kinh tế và là tiền đề quan trọng cho việc phát triển thanh toán không dùng tiền mặt. Dịch vụ chuyển tiền điện tử

của SWIFT được hầu hết tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán tại Việt Nam sử dụng để chuyển ngoại tệ và các giao dịch thanh toán quốc tế. Các hệ thống thanh toán còn lại được các NHTM tiếp tục chú trọng đầu tư, nâng cao chất lượng để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu ngày càng tăng của xã hội và thích ứng với tiến trình hội nhập quốc tế.

Một số hạn chế, bất cập

Mặc dù đã có nhiều chuyển biến tích cực trong xây dựng ban hành chính sách đẩy mạnh thanh toán qua ngân hàng đối với dịch vụ công (thuế, điện, nước, học phí, viện phí và các chương trình an sinh xã hội), phát triển các phương tiện thanh toán, cơ sở hạ tầng phục vụ thanh toán không dùng tiền mặt,... nhưng quy mô thanh toán không dùng tiền mặt vẫn còn hạn chế so với các nước trong khu vực và thế giới. Giai đoạn 2011-2019, tỉ lệ tiền mặt/GDP tại Việt Nam tăng từ 13,3% lên 19,84% (trung bình toàn cầu đang ở mức 9,6%, khu vực Châu Á trong khoảng 5%-10%); tỉ lệ thanh toán bằng tiền mặt/tổng phương tiện thanh toán gần như không thay đổi (dao động trong khoảng từ 11,33% đến 12,3%), chưa đạt được mục tiêu đề ra (Theo Đề án phát triển TTKDTM tại Việt Nam, tỉ lệ TTKDTM đến năm 2020 phấn đấu đạt dưới 10%; đến năm 2025 đạt dưới 8% tổng phương tiện thanh toán).

Tội phạm trong lĩnh vực công nghệ cao, thanh toán điện tử gần đây có những diễn biến phức tạp với những hành vi, thủ đoạn mới tinh vi hơn. Do đó, các biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn cho các dịch vụ thanh toán dựa trên nền tảng công nghệ cao cần được các ngân hàng tiếp tục quan tâm, tăng cường năng lực kiểm soát.

Nguyên nhân của hạn chế

Một vài nguyên nhân chính dẫn đến những hạn chế, bất cập trong TTKDTM tại Việt Nam, đó là:

Một là, vẫn còn những khuyết thiếu trong hệ thống pháp luật về kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng, nhất là với các dịch vụ tài chính mới. Sự phát triển nhanh chóng của các tiến bộ công nghệ đã làm thay đổi rất nhanh các phương thức thanh toán trực tuyến nhưng các quy định pháp lý chưa theo kịp. Hiện tại, Việt Nam chưa có khung pháp lý cụ thể về việc khai thác, chia

sẽ và lưu trữ dữ liệu điện toán đám mây, chuỗi khối (blockchain) và một số sản phẩm trực tuyến; chưa có quy định bắt buộc TTKDTM đối với những giao dịch có giá trị lớn như nhà đất, ô tô...; chưa có quy định tỉ lệ doanh số tối thiểu phải TTKDTM đối với các cơ sở kinh doanh bán lẻ có quy mô lớn.

Hai là, việc đầu tư cơ sở hạ tầng TTKDTM bằng các công nghệ hiện đại khá tốn kém nên các NHTM cũng cần phải cân nhắc, tính toán để đảm bảo hiệu quả hoạt động. Bên cạnh đó, một bộ phận đội ngũ nhân lực tại các NHTM chưa đáp ứng được yêu cầu nghiệp vụ của dịch vụ ngân hàng điện tử, chưa có khả năng tiếp cận với các công nghệ tiên tiến, hiện đại, chưa nắm vững các kiến thức về công nghệ thông tin.

Ba là, hệ thống cơ sở hạ tầng TTKDTM tại khu vực nông thôn, miền núi, hải đảo còn ít, người dân chưa có điều kiện tiếp cận dịch vụ và tiện ích thanh toán hiện đại. Hiện nay, bình quân ở khu vực nông thôn, miền núi chỉ có khoảng 2,2 điểm giao dịch/khu vực hành chính (khu vực miền núi phía Bắc chỉ có 0,7 điểm giao dịch/huyện); trong khi đó con số này tại các quận, thị xã, thành phố xấp xỉ là 40 điểm giao dịch. Số lượng ATM đã lắp đặt chủ yếu tập trung ở 5 thành phố lớn: Hà Nội, Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ (chiếm gần 50%).

Bốn là, mức độ tích hợp hạ tầng, ứng dụng ngân hàng với các ngành, lĩnh vực dịch vụ khác cũng còn những hạn chế cần tiếp tục tăng cường phối hợp để nâng cao hiệu quả, năng lực vận hành của các hệ thống. Muốn áp dụng thanh toán điện tử đối với các dịch vụ công (điện, nước, y tế, lệ phí giao thông,...), các bên liên quan cần có cơ chế chia sẻ dữ liệu, chia sẻ thông tin khách hàng, xây dựng hệ thống giao tiếp ứng dụng lập trình mở (Open API) liên thông với các bộ ngành liên quan để tạo ra một cơ chế thanh toán thông suốt. Tuy nhiên, bài toán này hiện chưa được giải quyết triệt để do yêu cầu bảo mật thông tin và những vướng mắc về cách thức, tỉ lệ phân bổ thu nhập/chi phí giữa các bên cung cấp và được chia sẻ thông tin.

Năm là, thói quen sử dụng tiền mặt của người dân, nhất là người tiêu dùng lớn tuổi; tâm lý e ngại về mức độ an toàn trong thanh toán điện tử, mức chi

phí phải chi trả khi chấp nhận sử dụng các dịch vụ thanh toán hiện đại (phí sử dụng dịch vụ e-banking, phí trả mua thiết bị hard token...) cũng là những nguyên nhân cản trở sự phát triển của TTKDTM tại Việt Nam.

3. Định hướng và giải pháp phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam

3.1. Định hướng phát triển

Việt Nam hiện có hơn 96 triệu dân số, gần 70% dân số sử dụng internet, gần 60% dân số có tài khoản mạng xã hội, trên 5 triệu thuê bao sử dụng smart phone, xu hướng mua sắm trực tuyến ngày càng gia tăng, nhất là từ khi xuất hiện đại dịch covid-19... Đây chính là những thuận lợi cho phát triển TTKDTM tại Việt Nam.

Xuất phát từ tầm quan trọng của TTKDTM, những cơ hội mà cách mạng công nghệ 4.0, những thuận lợi về thực trạng dân số, xu hướng thay đổi thói quen trong mua sắm và nhu cầu thị trường đem lại, giảm tỉ lệ thanh toán bằng tiền mặt, nâng cao chất lượng dịch vụ TTKDTM là xu hướng tất yếu trong phát triển TTKDTM tại Việt Nam.

Để thực hiện mục tiêu này, cần thực hiện các định hướng cơ bản sau:

Tiếp tục đổi mới sáng tạo ứng dụng thành tựu công nghệ 4.0 trong hoạt động thanh toán, triển khai mở rộng các dịch vụ thanh toán mới, hiện đại như QR code, mPOS, Ecom, công nghệ mã hóa thanh toán thẻ (tokenization), thanh toán không tiếp xúc (contactless payment) trên thiết bị di động, ví điện tử di động (mobile wallets), mobile money... Đặc biệt, đối với dịch vụ mobile money, việc phát triển dịch vụ này giúp nhóm khách hàng cá nhân không sử dụng (unbanked), hoặc không có điều kiện tiếp cận được (underbanked) các dịch vụ tài chính/ngân hàng truyền thống (phải mở tài khoản và đến các chi nhánh, điểm giao dịch ngân hàng) vẫn có thể chuyển tiền hoặc thanh toán các giao dịch một cách nhanh chóng, thuận tiện, từ đó góp phần làm thay đổi dần thói quen thanh toán bằng tiền mặt của người dân và tăng tỉ lệ TTKDTM.

Đẩy mạnh TTKDTM trong lĩnh vực công, hành chính công. Rà soát, sắp xếp lại, nâng cao chất lượng mạng lưới thiết bị chấp nhận thẻ; phát triển

TTKDTM ở khu vực nông thôn, miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa gắn với chiến lược quốc gia về phát triển tài chính toàn diện.

3.2. Giải pháp phát triển

Trên cơ sở phân tích nguyên nhân của hạn chế, để phát triển TTKDTM, Chính phủ, các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức trung gian thanh toán và cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cần tập trung giải quyết các vấn đề sau:

Thứ nhất, với Chính phủ và các cơ quan quản lý nhà nước

Sửa đổi, hoàn thiện hành lang pháp lý, văn bản hướng dẫn, quy định chi tiết về phương thức định danh số (ID digital), thủ tục nhận biết người dùng bằng phương thức điện tử (e-KYC), quản lý hoạt động ngân hàng điện tử an toàn, hiệu quả và phòng chống rủi ro. Phân định rõ quyền hạn trách nhiệm của các chủ thể tham gia thanh toán, trên cơ sở đó, kiểm soát rủi ro pháp lý một cách thích hợp, phù hợp với các chuẩn mực, thông lệ quốc tế được các định chế tài chính, tiền tệ quốc tế khuyến nghị, hoặc được áp dụng chung ở nhiều quốc gia trên thế giới. Có những biện pháp hiệu quả trong giám sát, phát hiện và xử lý gian lận; tăng cường công tác đảm bảo an ninh, an toàn trong thanh toán điện tử.

Ban hành cơ chế chia sẻ dữ liệu, xây dựng hệ thống giao tiếp ứng dụng lập trình mở (Open API) liên thông, hoàn thiện hệ thống kết nối hạ tầng thanh toán điện tử của các NHTM với hạ tầng của cơ quan thuế, hải quan, kho bạc nhà nước để phục vụ yêu cầu phối hợp thu ngân sách nhà nước bằng phương thức điện tử. Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin truyền thông và thanh toán quốc gia đồng bộ, thống nhất giữa các tổ chức tài chính và trung gian thanh toán.

Bổ sung quy định các giao dịch có giá trị lớn (chẳng hạn 100 triệu đồng trở lên) bắt buộc phải TTKDTM; các cơ sở kinh doanh bán lẻ quy mô lớn phải đảm bảo tỉ lệ % doanh thu tối thiểu thanh toán bằng chuyển khoản (tỉ lệ này có thể tăng dần theo một lộ trình nhất định, chẳng hạn 50%/60%/70%...).

Tuyên truyền, hướng dẫn và có cơ chế khuyến khích TTKDTM đối với thu thuế, phí và các dịch vụ công qua ngân hàng, khuyến khích cá nhân, doanh nghiệp... thanh toán các hóa đơn định kì (điện, nước,

viễn thông, học phí...) bằng các hình thức TTKDTM, đẩy mạnh chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội qua ngân hàng.

Thứ hai, với NHTM, tổ chức trung gian thanh toán và tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán

Tiếp tục đổi mới và ứng dụng công nghệ hiện đại trong hoạt động ngân hàng theo hướng phát triển ngân hàng số. Hoàn thiện quy trình xử lý giao dịch của ngân hàng theo hướng số hóa, tự động hóa, an toàn và thuận tiện. Thường xuyên cập nhật và áp dụng các biện pháp tiên tiến bảo đảm an ninh, an toàn cho hệ thống thanh toán. Các ngân hàng cần đẩy mạnh xây dựng chính sách bảo mật nội bộ, cơ chế thiết lập mật khẩu, xây dựng quy trình khắc phục sự cố sau thảm họa; chú trọng đầu tư các công cụ, chương trình phần mềm hỗ trợ đảm bảo an toàn hệ thống thông tin để hạn chế tối đa các trường hợp xâm nhập hệ thống, thất thoát dữ liệu, mã độc tấn công... Thực tế cho thấy, đổi mới, nâng cấp hạ tầng công nghệ cần một lộ trình dài và chi phí đầu tư ban đầu lớn. Vì vậy, để thực hiện mục tiêu đổi mới công nghệ và nâng cao chất lượng nhân lực có trình độ công nghệ cao, đáp ứng yêu cầu phát triển các dịch vụ TTKDTM hiện đại, ngoài phương án tự đầu tư công nghệ mới, tuyển dụng nhân lực vừa có kiến thức chuyên ngành, vừa có kĩ năng sử dụng công nghệ số, các ngân hàng có thể cân nhắc phương án hợp tác với các công ty công nghệ lớn, từ đó tận dụng nguồn lực công nghệ và nhân sự của các công ty công nghệ này.

Phát triển TTKDTM, nhất là các kênh thanh toán điện tử, đòi hỏi mỗi ngân hàng phải có được một môi trường thanh toán rộng lớn. Do vậy, song song với việc đổi mới công nghệ, các ngân hàng cần đẩy mạnh việc xây dựng, phát triển hệ sinh thái số - môi trường thanh toán điện tử bằng cách tăng cường liên kết với các nhà cung cấp bán lẻ như điện, nước, truyền hình, internet, viễn thông, học phí, viện phí, nộp thuế, vé xem phim và hàng loạt dịch vụ khác; đồng thời tăng cường và mở rộng kết nối với các công ty fintech, các doanh nghiệp... để xây dựng hệ sinh thái phục vụ các nhu cầu TTKDTM trong mọi lĩnh vực, ngành nghề.

Xuất phát từ những hạn chế, bất cập đã nêu trên, việc xây dựng lộ trình, kế hoạch phát triển dịch vụ TTKDTM của các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán cần hướng đến những đối tượng là người nghèo, người có thu nhập thấp, dân cư nông thôn, vùng sâu, vùng xa, doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ theo chủ trương phát triển tài chính toàn diện. Phát triển ứng dụng các mô hình thanh toán, chuyển tiền hiện đại, dễ sử dụng và phù hợp với điều kiện ở các khu vực kinh tế kém phát triển và những đối tượng yếu thế. Để thúc đẩy TTKDTM ở nông thôn, miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, cần tăng cường sự kết hợp giữa ngân hàng với viễn thông trên cơ sở sử dụng mạng lưới sẵn có của ngân hàng, bưu điện, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán. Các NHTM có thể cân nhắc, xem xét miễn phí trang bị lắp đặt POS cho các đơn vị chấp nhận thẻ là các công ty, hộ kinh doanh, bao gồm cả các đơn vị cung cấp dịch vụ công (điện, nước, viễn thông, viện phí, học phí...) và các cửa hàng cung cấp vật tư, thiết bị nông nghiệp, thu mua nông sản tại khu vực nông thôn.

Ngoài ra, NHTM và các tổ chức trung gian thanh toán khác, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cũng cần tận dụng tốt hơn sự phát triển của các kênh truyền thông online, mạng xã hội, tăng cường truyền thông để mỗi người dân hiểu rõ ưu, nhược điểm của các phương thức TTKDTM, từ đó có nhận thức đầy đủ, chính xác hơn về mỗi hình thức thanh toán và có quyết định lựa chọn hình thức thanh toán phù hợp.

Kết luận

Phát triển TTKDTM là xu hướng tất yếu tại các quốc gia, trong đó Việt Nam không phải là ngoại lệ. Để thực hiện được mục tiêu này cần áp dụng đồng bộ các giải pháp cả ở tầm vĩ mô và vi mô. Trong đó, hoàn thiện hành lang pháp lý, văn bản hướng dẫn quy định chi tiết về TTKDTM, có cơ chế khuyến khích TTKDTM đối với thu thuế, phí và các dịch vụ công qua ngân hàng; Tiếp tục đổi mới và ứng dụng công nghệ hiện đại trong hoạt động ngân hàng theo hướng phát triển ngân hàng số; Phát triển các dịch vụ TTKDTM hướng đến những đối tượng là người nghèo, người có thu nhập thấp, dân cư nông thôn,

vùng sâu, vùng xa, doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ theo chủ trương phát triển tài chính toàn diện là những giải pháp quan trọng. ♦

Tài liệu tham khảo:

1. Phạm Tiến Dũng (2020), *Phát triển TTKDTM: Kết quả đạt được, khó khăn và thách thức trong thời gian tới*. Kỷ yếu hội thảo quốc gia “Thúc đẩy TTKDTM trong nền kinh tế số”, Nhà xuất bản Lao động.
2. Nguyễn Thị Ngọc Diễm (2018), *Quản lý nhà nước đối với dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt trong thanh toán nội địa của các NHTM Việt Nam* (trang 68-71), Luận án tiến sĩ.
3. Quyết định số 2545/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt *Đề án phát triển TTKDTM tại Việt Nam giai đoạn 2016-2020*.
4. Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 23/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt *Đề án đẩy mạnh thanh toán qua ngân hàng đối với các dịch vụ công*.
5. Quyết định số 316/QĐ-TTg ngày 09/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt triển khai thí điểm dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ.
6. Vụ thanh toán, *Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*.
7. Website của một số NHTM và NHNN.

Summary

The paper looks at non-cash payment in Vietnam in the recent time from the following perspectives: payment via different payment channels and devices; the infrastructure and organizations supplying payment services, payment intermediary services, and payment transfer systems. On the basis of the achievements, shortcomings, and reasons for the limitations of non-cash payment, the researchers make several suggestions to the government and government authorities, commercial banks, and payment intermediary organizations and payment intermediary service providers to develop non-cash payment in Vietnam in the time to come.